TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31/12/2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Chính

Ông Lâm Văn Tùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan H, sinh ngày 01/01/1952 (Có mặt)

Căn cước công dân số: ….., ngày cấp 24/11/2022.

Địa chỉ: ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn A, sinh ngày 01/01/1951 (Vắng mặt)

Căn cước công dân số: ….., ngày cấp 04/10/2022.

Địa chỉ: ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 14/7/2025, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn A được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới năm 1973 và sống chung với nhau như vợ chồng từ đó đến nay, nhưng bà và ông A không có làm thủ tục đăng ký kết hôn với nhau. Trong thời gian đầu cuộc sống gia đình bà rất hạnh phúc, vui vẻ. Vợ chồng bà đã có với nhau 06 người con chung gồm ông Nguyễn B, sinh năm 1974; ông Nguyễn C, sinh năm 1978; ông Nguyễn D, sinh năm 1980; bà Nguyễn E, sinh năm 1981; bà Nguyễn F, sinh năm 1983; ông Nguyễn G, sinh năm 1991. Hiện nay các cháu đều trưởng thành, đều có gia đình riêng. Quá trình sống chung thì bà và ông A đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vả do bất đồng quan điểm sống, đã ly thân với nhau từ năm 2003

cho đến nay không thể hàn gắn lại được, cuộc sống ai nấy sống, không còn tiếng nói chung, bà muốn giải quyết ly hôn cho dứt khoác với ông A. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn A.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn A có sáu người con chung đều đã có gia đình riêng, đủ khả năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết gì về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: Bà không yêu cầu xem xét.

2/ Bị bơn ông Nguyễn A: Ông A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan H nhưng ông A không có ý kiến phản đối, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Phan H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn A cư trú tại ấp B, xã V, thành phố Cần Thơ. Nên Tòa án xác định loại kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Nguyễn A đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông A.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan H và ông Nguyễn A là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, năm 1973 bà H và ông A tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng căn cứ vào điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngay 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình quy định "*Trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật Luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn….trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết về ly hôn…*" Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông A được pháp luật công nhân là hôn nhân thực tế, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông A, theo bà H cho rằng hai vợ chồng bà đã rạn nứt tình cảm từ năm 2003 ly thân đến nay không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, vợ chồng không còn tiếng nói chung, bà muốn trả tự do cho nhau. Nên tại phiên tòa bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn A. Ông A không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà H. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông A đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho

nhau, không còn tin tưởng nhau, ông bà đã ly thân với nhau từ năm 2003 đến nay không thể hàn gắn, tại phiên tòa bà H giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông A, mâu thuẫn giữa bà H và ông A là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phan H được ly hôn với ông Nguyễn A.

[4] Về con chung: Bà Phan H và ông Nguyễn A có sáu người con chung gồm ông Nguyễn B, sinh năm 1974; ông Nguyễn C, sinh năm 1978; ông Nguyễn D, sinh năm 1980; bà Nguyễn E, sinh năm 1981; bà Nguyễn E, sinh năm 1983; ông Nguyễn F, sinh năm 1991. Hiện nay các cháu đều trưởng thành, đều có gia đình riêng. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Bà H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Phan H phải chịu án phí không có giá ngạch nhưng bà H thuộc trường hợp được miễn án phí vì là người cao tuổi, bà H có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 12; Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ án phí cho bà Phan H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 12; Điều 14, khoản 6 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan H được ly hôn với ông Nguyễn A.

2/ Về con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Phan H được miễn toàn bộ án phí.

Ông Nguyễn A không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã V, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng